



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3503000233 ngày 26 tháng 9 năm 2008
4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên
Ông Phạm Văn Phong	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban
Ông Trịnh Văn Thảo	Thành viên
Ông Bùi Quang Đáng	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

11204
HI NI
NG 1
KP
PHO

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Huyền Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 22 tháng 2 năm 2021

1:00
IÁN
Y TI
MG
HỒ C



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

U.S.
H
HH
H.M.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00278-21-5



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2021

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		320.317.362.731	281.884.785.324
Tiền	110	6	33.104.638.484	2.871.359.158
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.732.575.998	80.096.444.281
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.652.582.387	59.325.697.589
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.723.195.705	5.500.252.397
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.040.331.888	15.840.375.372
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.729.225.086)	(1.655.325.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.691.104	1.085.444.009
Hàng tồn kho	140	9	167.308.151.278	191.869.020.884
Hàng tồn kho	141		167.951.109.804	191.869.020.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(642.958.526)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.171.996.971	7.047.961.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.168.085.736	7.044.049.766
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		475.730.279.739	535.401.050.266
Tài sản cố định	220		374.999.860.314	431.082.526.733
Tài sản cố định hữu hình	221	10	374.327.436.071	430.558.208.971
Nguyên giá	222		1.451.924.003.819	1.434.146.213.609
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.077.596.567.748)	(1.003.588.004.638)
Tài sản cố định vô hình	227	11	672.424.243	524.317.762
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(807.211.947)	(882.339.200)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.545.867.292	7.905.148.336
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.249.970.779)	(1.890.689.735)
Tài sản dở dang dài hạn	240		655.011.307	1.681.717.228
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	655.011.307	1.681.717.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	42.442.601.821	42.442.601.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		50.086.939.005	52.289.056.148
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	46.279.308.036	48.552.393.244
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.807.630.969	3.736.662.904
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		796.047.642.470	817.285.835.590

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		328.744.810.852	345.275.379.297
Nợ ngắn hạn	310		309.431.136.463	321.860.273.196
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	13.865.143.967	27.651.643.546
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.254.033.665	29.076.869.682
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	119.623.698.166	135.976.108.503
Phải trả người lao động	314		24.040.825.512	14.048.170.747
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.472.574.493	2.122.999.311
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.545.455	32.854.350
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	58.767.084.243	50.126.463.811
Vay ngắn hạn	320	18	47.855.837.646	60.109.306.459
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.527.393.316	2.715.856.787
Nợ dài hạn	330		19.313.674.389	23.415.106.101
Phải trả dài hạn khác	337		1.000.000.000	5.497.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	18.313.674.389	17.917.606.101
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		467.302.831.618	472.010.456.293
Vốn chủ sở hữu	410	21	467.302.831.618	472.010.456.293
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	74.810.094.569	64.457.934.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.014.022.356	109.073.807.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.599.641.028	865.920.851
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.414.381.328	108.207.886.213
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		796.047.642.470	817.285.835.590

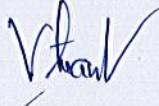
Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



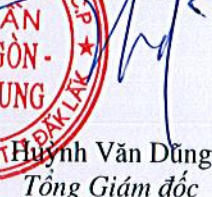
Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

001
 IÁNH
 / TNI
 AG
 HỒ CỨ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

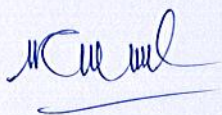
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.159.399.599.625	1.492.671.781.183
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	1.063.591.285
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.159.399.599.625	1.491.608.189.898
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	915.196.518.758	1.170.307.695.909
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		244.203.080.867	321.300.493.989
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.483.761.884	19.775.143.069
Chi phí tài chính	22		3.382.380.168	4.749.668.737
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.382.308.682	4.739.324.496
Chi phí bán hàng	25	29	25.306.403.240	26.154.103.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	61.478.473.126	68.838.635.032
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		157.519.586.217	241.333.229.776
Thu nhập khác	31	31	19.237.329.875	31.317.872.741
Chi phí khác	32	32	12.952.418.346	11.189.031.872
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.284.911.529	20.128.840.869
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		163.804.497.746	261.462.070.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	32.997.816.483	49.038.332.909
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(70.968.065)	(247.416.477)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		130.877.649.328	212.671.154.213

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



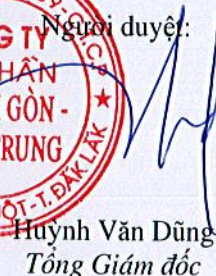
Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	163.804.497.746	261.462.070.645
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.924.014.187	89.426.568.648
Các khoản dự phòng	03	2.236.759.189	1.049.231.875
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.095.025)	292.527
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.165.778.737)	(19.897.818.627)
Chi phí lãi vay	06	3.382.308.682	4.739.324.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	245.179.706.042	336.779.669.564
Biến động các khoản phải thu	09	4.289.968.283	23.896.324.264
Biến động hàng tồn kho	10	23.917.911.080	(14.308.023.023)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.088.492.857	(39.104.288.712)
Biến động chi phí trả trước	12	4.149.049.238	1.966.328.515
		285.625.127.500	309.230.010.608
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.482.572.742)	(5.140.444.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.946.438.542)	(35.320.972.553)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	566.210.000	316.415.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.965.295.846)	(14.764.900.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215.797.030.370	254.320.108.420
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(36.359.579.020)	(84.623.755.757)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	122.727.272
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(355.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	315.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.481.666.859	7.446.735.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.877.912.161)	(77.054.293.129)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

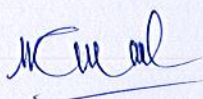
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	693.300.000.000	777.850.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(705.553.468.813)	(826.393.875.252)
Tiền chi trả cổ tức	36	(100.434.465.095)	(153.547.071.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(112.687.933.908)	(202.090.946.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	30.231.184.301	(24.825.131.095)
Tiền đầu năm	60	2.871.359.158	27.696.782.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.095.025	(292.527)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	33.104.638.484	2.871.359.158

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 439 nhân viên (1/1/2020: 463 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

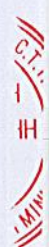
(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

12042
II NH
VGT
KPI
PHỔ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

007
ÁNH
/ TN
AG
10 C

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

C.T.
HH
T.M.T

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	773.774.839	255.006.829
Tiền gửi ngân hàng	32.330.863.645	2.616.352.329
	33.104.638.484	2.871.359.158

7. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 5,9% một năm (1/1/2020: Không).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 và 1/1/2020				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:					
Công ty con					
• Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-	(*)
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In – Thương Mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)
			42.442.601.821	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Các khách hàng khác	7.675.994.434	7.289.026.309
	52.652.582.387	59.325.697.589

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	-	4.823.629
	44.976.587.953	56.860.300.909

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	601.001.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	61.868.891.513	(642.958.526)	67.476.529.481	-
Công cụ và dụng cụ	56.770.352.581	-	55.721.688.530	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.829.954.485	-	27.877.475.066	-
Thành phẩm	20.878.976.689	-	40.783.135.885	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	10.191.922	-
	167.951.109.804	(642.958.526)	191.869.020.884	-

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	237.174.309.340	1.169.673.893.762	19.345.642.731	6.779.888.942	1.172.478.834	1.434.146.213.609
Tăng trong năm	-	3.777.174.000	200.000.000	-	70.000.000	4.047.174.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.066.961.304	13.502.001.360	-	-	-	18.568.962.664
Xóa sổ	(345.487.376)	(4.492.859.078)	-	-	-	(4.838.346.454)
Số dư cuối năm	241.895.783.268	1.182.460.210.044	19.545.642.731	6.779.888.942	1.242.478.834	1.451.924.003.819
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	104.385.128.580	882.931.980.404	11.152.002.643	4.311.468.283	807.424.728	1.003.588.004.638
Khấu hao trong năm	12.358.561.385	64.099.403.457	1.417.710.881	612.258.464	43.087.255	78.531.021.442
Xóa sổ	(195.335.427)	(4.327.122.905)	-	-	-	(4.522.458.332)
Số dư cuối năm	116.548.354.538	942.704.260.956	12.569.713.524	4.923.726.747	850.511.983	1.077.596.567.748
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	132.789.180.760	286.741.913.358	8.193.640.088	2.468.420.659	365.054.106	430.558.208.971
Số dư cuối năm	125.347.428.730	239.755.949.088	6.975.929.207	1.856.162.195	391.966.851	374.327.436.071

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 522.440 triệu VND (1/1/2020: 373.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 48.659 triệu VND (1/1/2020: 24.498 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	181.818.182	-	181.818.182
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Khấu hao trong năm	-	9.393.939	24.317.762	33.711.701
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762
Số dư cuối năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 735 triệu VND (1/1/2020: 783 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.138.206.292	5.497.487.336
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	7.545.867.292	7.905.148.336

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.890.689.735
Khấu hao trong năm	359.281.044
Số dư cuối năm	2.249.970.779
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.497.487.336
Số dư cuối năm	5.138.206.292



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.681.717.228	3.137.472.391
Tăng trong năm	17.724.074.925	60.459.172.464
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.568.962.664)	(58.458.478.904)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(181.818.182)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(616.831.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.760.388.436)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.079.229.287)
Số dư cuối năm	655.011.307	1.681.717.228



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	21.312.641.647	12.528.951.848	10.217.813.179	4.492.986.570	48.552.393.244
Tăng trong năm	17.289.379.337	3.778.061.616	2.444.271.260	4.528.142.796	28.039.855.009
Phân bổ trong năm	(12.891.893.997)	(8.246.072.416)	(444.037.208)	(3.523.862.487)	(25.105.866.108)
Thanh lý	(3.326.347.470)	(1.880.726.639)	-	-	(5.207.074.109)
Số dư cuối năm	22.383.779.517	6.180.214.409	12.218.047.231	5.497.266.879	46.279.308.036

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Thịnh Đức	2.119.078.500	-
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	1.377.135.650	2.768.388.425
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Các nhà cung cấp khác	9.099.470.398	15.408.607.348
	13.865.143.967	27.651.643.546

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Bia Quy Nhơn	560.976.915	534.606.956
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	183.528.400	2.651.055.165
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	-	29.194.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

2-00
 HÁN
 TỶ T
 MC
 HỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.910.548.313	209.016.186.248	(72.843.439.932)	(136.212.622.924)	11.870.671.705
Thuế tiêu thụ đặc biệt	101.648.752.405	915.385.780.659	-	(924.339.366.500)	92.695.166.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.668.182.147	32.997.816.483	-	(39.946.438.542)	12.719.560.088
Thuế thu nhập cá nhân	2.708.666.749	5.251.166.882	-	(5.800.130.100)	2.159.703.531
Thuế đất	-	3.303.078.558	-	(3.303.078.558)	-
Các loại thuế khác	39.958.889	823.024.336	-	(684.386.947)	178.596.278
	135.976.108.503	1.166.777.053.166	(72.843.439.932)	(1.110.286.023.571)	119.623.698.166

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	47.135.279.768	43.106.476.863
Phải trả Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên, công ty con	4.743.935.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.090.605.000	936.040.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.797.264.475	6.083.946.948
	58.767.084.243	50.126.463.811

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		1/1/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	
	Vay ngắn hạn	35.500.000.000	693.300.000.000	29.400.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	24.609.306.459	-	18.455.837.646
		60.109.306.459	693.300.000.000	47.855.837.646

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
(i) Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên (i)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (ii)	VND	6,0%	111.000.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	5,9%	-	12.000.000.000
Nhân viên Công ty	VND	7,0%	-	1.500.000.000
			29.400.000.000	35.500.000.000

(i) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 30.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Khoản vay từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 85.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 27.075 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	8.812.500.000	11.750.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2021	9.643.337.646	12.859.306.459
				18.455.837.646	24.609.306.459
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(18.455.837.646)	(24.609.306.459)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 21.584 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 24.498 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 10). Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk đã phê duyệt gia hạn thời gian đáo hạn của các khoản vay này, từ ngày 30 tháng 10 năm 2020 sang ngày 30 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định số 338/TB-ĐLA-KHBL.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập các khoản từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.715.856.787	2.626.358.611
Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 21)	30.086.790.000	14.195.077.642
Tăng khác	566.210.000	316.415.000
Sử dụng trong năm	(26.841.463.471)	(14.421.994.466)
Số dư cuối năm	<u>6.527.393.316</u>	<u>2.715.856.787</u>

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.502.305.000	8.415.301.101	17.917.606.101
Dự phòng trích lập trong năm	519.900.663	-	519.900.663
Dự phòng sử dụng trong năm	(123.832.375)	-	(123.832.375)
Số dư cuối năm	<u>9.898.373.288</u>	<u>8.415.301.101</u>	<u>18.313.674.389</u>

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

2042
 NH
 IG TY
 PM
 HỒ HC

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	81.754.571.616	437.690.943.722
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	212.671.154.213	212.671.154.213
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	130.877.649.328	130.877.649.328
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	94.014.022.356	467.302.831.618

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 119.387 triệu VND, tương đương 4.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 10 năm 2020 và ngày 9 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông lần lượt là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500/cổ phiếu) và 29.846 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2019: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHCD ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích 10.352 triệu VND vào quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 7.000 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày đáo hạn thông báo thuê	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lô đất 1	31-1-2058	31-12-2025	3.714.781.014	646.048.872
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	3.917.289.600	5.797.588.608
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2021	579.681.347	584.882.523
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2021	231.977.137	234.060.335
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2021	1.256.839.432	1.268.210.412
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2021	332.515.246	335.496.982
Lô đất 7	10-10-2036	30-6-2021	45.538.943	129.027.004
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2021	70.804.800	165.211.200
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	1.210.944.000	24.104.640
Lô đất 10	10-10-2036	30-6-2021	353.603.811	1.001.877.465
Lô đất 11	10-10-2036	30-6-2021	113.171.040	320.651.280
			11.827.146.370	10.507.159.321

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	94	2.268.398	324	8.238.133
EUR	572	14.852.046	369	9.400.071
		17.120.444		17.638.204

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2020 Số lượng	1/1/2020 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	115	429
Bia Sài Gòn 355	Két	290	290

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.116.102.460.669	1.459.343.788.401
▪ Cung cấp dịch vụ	25.278.627.261	13.249.709.560
▪ Doanh thu khác	18.018.511.695	20.078.283.222
	<hr/> 1.159.399.599.625	<hr/> 1.492.671.781.183
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	1.063.591.285
	<hr/> 1.159.399.599.625	<hr/> 1.491.608.189.898

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	903.353.036.350	1.160.645.371.332
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.295.890.581	6.000.461.197
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	642.958.526	-
▪ Giá vốn khác	4.904.633.301	3.661.863.380
	<hr/> 915.196.518.758	<hr/> 1.170.307.695.909



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.300.897.359	965.965.856
Cổ tức và lợi nhuận được chia	180.769.500	18.809.125.499
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.095.025	51.714
	<hr/>	<hr/>
	3.483.761.884	19.775.143.069
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.566.532.728	4.971.234.648
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	373.367.371	2.000.905.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.236.891.655	15.684.530.774
Chi phí bán hàng khác	2.129.611.486	3.497.432.175
	<hr/>	<hr/>
	25.306.403.240	26.154.103.513
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	29.603.980.073	29.687.300.696
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.241.882.826	4.258.880.706
Chi phí thuê	4.991.799.033	4.683.951.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.849.944.051	5.744.486.361
Chi phí quản lý khác	19.790.867.143	24.464.016.225
	<hr/>	<hr/>
	61.478.473.126	68.838.635.032
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Bán công cụ và dụng cụ	10.722.664.539	3.651.493.869
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	2.630.334.548	13.009.549.102
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.025.871.820	9.919.996.364
Thu nhập khác	3.858.458.968	4.736.833.406
	19.237.329.875	31.317.872.741

32. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Giá vốn công cụ và dụng cụ đã bán	8.725.404.309	2.366.005.525
Giá vốn dịch vụ bảo hành và sửa chữa đã cung cấp	1.118.743.430	4.488.999.072
Giá vốn dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	383.974.133	1.696.049.730
Chi phí khác	2.724.296.474	2.637.977.545
	12.952.418.346	11.189.031.872

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	683.943.100.775	971.678.074.050
Chi phí nhân công và nhân viên	94.800.344.605	91.940.915.742
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.924.014.187	89.426.568.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.522.830.780	87.528.767.893
Chi phí khác	43.674.341.622	52.799.175.086



12-001

HÀNG
 TỰ TH
 MG

HỒ CH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	32.987.473.150	48.979.422.719
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
	32.997.816.483	49.038.332.909
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(70.968.065)	(247.416.477)
	32.926.848.418	48.790.916.432

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	163.804.497.746	261.462.070.645
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.760.899.550	52.292.414.129
Chi phí không được khấu trừ thuế	191.759.435	201.417.213
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(3.761.825.100)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
	32.926.848.418	48.790.916.432

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	340.289.522.378	264.484.848.045
Bán phụ tùng thay thế	782.445.645	557.264.992
Giao dịch khác	485.015.995	639.824.018
Mua công cụ và dụng cụ	15.211.263.560	3.282.715.030
Mua dịch vụ	5.897.041.241	5.606.752.115
Nhận cổ tức	-	18.628.355.999
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Chi nhánh Phú Yên		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	61.115.819.491	-
Bán công cụ và dụng cụ	8.284.656.318	-
Cung cấp dịch vụ	10.551.996.888	-
Giao dịch khác	1.951.304.876	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	691.556.641.799	1.109.875.748.293
Giao dịch khác	911.361.500	-
Mua nguyên vật liệu	375.408.156.311	654.379.394.488
Chia cổ tức	33.660.770.500	38.469.452.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	1.879.137.200	-
Phí thay thế vỏ chai	720.780.000	5.135.235.864
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	714.502.443	462.952.102
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	9.715.970.000	6.742.520.000
Nhận cổ tức	180.769.500	180.769.500
Chi phí lãi vay	91.748.000	91.748.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	7.639.925.000	7.982.935.000

042-00

NHÂN
; TY TN
PMG

HỒ CH

S
H
H
*

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

36. Thông tin so sánh

Ngoài một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019 VND (được phân loại lại)	2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.492.671.781.183	1.472.670.762.953
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.170.307.695.909	1.167.203.097.521
Thu nhập khác	31.317.872.741	51.318.890.971
Chi phí khác	11.189.031.872	14.293.630.260

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

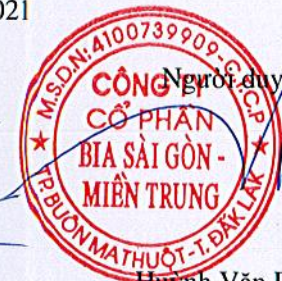
Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

